

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH B PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH B PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Ông Nguyễn Văn Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1989 “có mặt”;

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1988 “có mặt”;

Cùng cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh B Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện khởi kiện đề ngày 02 tháng 02 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đoàn Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Th và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh B Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 38 ngày 30 tháng 5 năm 2007. Trong thời chung sống vợ chồng không có hạnh phúc mà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Th thường xuyên bị ông B đánh, đập; bà Th không có quyền gì trong gia đình và không biết đến vấn đề tài chính trong gia đình. Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Vợ chồng bà Th có 03 người con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 11/12/2007; Nguyễn Thị Minh Ph, sinh ngày 21/6/2011 và Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 17/4/2018. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Ph và cháu Th1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với cháu M có nguyện vọng được sống cùng ông B nên bà Th đồng ý giao cháu M cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th yêu cầu ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung là cháu Ph và cháu Th1 là 1.500.000 đồng/người/tháng cho đến khi cháu Ph và cháu Th1 đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Ông B thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian chung sống và điều kiện đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào tháng 12 năm 2023, trong khi nóng giận ông B có đánh bà Th một cái tát. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông B không đồng ý ly hôn với bà Th.

- Về con chung: Vợ chồng ông B có 02 người con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 11/12/2007; Nguyễn Thị Minh Ph, sinh ngày 21/6/2011 và Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 17/4/2018. Khi ly hôn ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung là cháu M, cháu Ph và cháu Th1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông B không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Đoàn Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công M, sinh ngày 11/12/2007 cho ông B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Thị Minh Ph, sinh ngày 21/6/2011 và Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 17/4/2018 cho bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph và cháu Th1 đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung là cháu Ph và Thương mỗi tháng 1.500.000 đồng/người con cho đến khi cháu Phương và cháu Th1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn bà Đoàn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông B cư trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh B Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Th và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh B Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 38 ngày 30 tháng 5 năm 2006. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2024, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng giữa bà Th và ông B không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B có hành vi đánh, đập bà Th, vợ chồng không tôn trọng nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông B cũng thừa nhận do nóng giận nên ông B đã có hành vi đánh bà Th và thừa nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng ông bà hiện đang sống ly thân nhau. Ông B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn mà ông B có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ với với nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Th xác định hiện nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông B không còn nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông B. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà Th và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, cho bà Th được ly hôn ông B.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Th và ông B có 03 người con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 11/12/2007; Nguyễn Thị Minh Ph, sinh ngày 21/6/2011 và Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 17/4/2018. Trong

quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; còn đối với ông B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 người con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu được nuôi con là quyền, nghĩa vụ của bà Th và ông B đã được quy định tại điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ. Hiện nay, cháu M và cháu Ph đã trên 7 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu M và cháu Ph thì cháu M có nguyện vọng được sống cùng với ông B, còn cháu Ph có nguyện vọng được sống cùng với bà Th. Do đó, cần tôn trọng quyền lựa chọn của các cháu M và cháu Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình; đồng thời, để đảm bảo sự ổn định về mặt tinh thần cũng như tạo điều kiện phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức để các cháu trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên giao cháu Nguyễn Thị Minh Ph, sinh ngày 21/6/2011 cho bà Th và giao cháu Nguyễn Công M, sinh ngày 11/12/2007 cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph và cháu Th1 đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đối cháu Th1 của nguyên đơn bà Th. Hội đồng xét xử xét thấy, tuổi cháu Th1 còn nhỏ cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do đó, cần chấp nhận nguyện vọng của bà Th, giao cháu Th1 cho bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, bà Th yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung là cháu Ph và Thương mỗi tháng 1.500.000 đồng/người con; phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ph, cháu Th1 thành niên (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy: Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ cả cha và mẹ đối với con. Đối với mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Th là phù hợp với mức chi trung B cho nhu cầu thiết yếu của cháu Ph và cháu Th1. Xét thấy, việc bà Th yêu cầu ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Th là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông B chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Th phải chịu; về án phí dân sự không có giá ngạch là 3000 000 đồng ông B phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị Th và ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 11/12/2007 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao 02 người con chung là Nguyễn Thị Minh Ph, sinh ngày 21/6/2011 và Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh ngày 17/4/2018 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Thời hạn giao con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Ph, cháu Th1 mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); cấp dưỡng hàng tháng đến khi cháu Ph, cháu Th1 thành niên (đủ 18 tuổi), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực.

Ông B chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Th phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Th

đã nộp theo biên lai thu số 0008051 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B Phước.

- Án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông B phải chịu.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh B Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công